

Bản án số: 81/2026/DS-ST
Ngày: 09 - 9 - 2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Hải Nam và bà Ngô Thị Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Xuân Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Dương Đại Phong - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 9 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 117/2026/TLST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2026 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2026/QĐXXST-DS, ngày 05 tháng 8 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 110/2026/QĐST-DS ngày 21/8/2026; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố H (H); địa chỉ: B B, N, phường S, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Đ – Tổng giám đốc; đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Linh C – Phó giám đốc phụ trách – H1 chi nhánh Q (Theo Quyết định ủy quyền số 2288A/2025/QĐ-TGĐ ngày 13/05/2025 của Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố H; đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1984,- Trưởng phòng quan hệ khách hàng; ông Hoàng Việt X, sinh năm 1988 – chuyên viên QHKHCN; địa chỉ: C T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Theo giấy ủy quyền số 17/2026/GUQ.H, ngày 29/5/2026 của H1 chi nhánh Q), có mặt.

- Bị đơn: Bà Ngô Thị D1, sinh năm 1975 và ông Mai Văn T, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn C, xã N, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H trình bày:*

Ngày 30/01/2024 Ngân hàng TMCP P (gọi tắt là nguyên đơn) và bà Ngô Thị D1, ông Mai Văn T (gọi tắt là bị đơn) đã ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 2896/24MB/HĐTD; trong đó các bên thỏa cho bị đơn vay Hạn mức tín dụng: 2.050.000.000 đồng (Hai tỷ, không trăm năm mươi triệu đồng). Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng: 60 tháng (từ ngày 30/01/2024 đến ngày 30/01/2029). Khoản vay được giải ngân theo các đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ sau:

KUNN01: 2896/24MB/HĐTD/KUNN01 ngày 08/03/2024, số tiền nhận nợ 2.050.000.000 đồng (thời hạn vay 12 tháng từ ngày 09/03/2024 đến ngày 08/03/2025). Phương thức trả nợ: Gốc trả cuối kỳ, Lãi trả hàng tháng. Lãi suất vay: Được quy định theo từng Giấy nhận nợ là lãi suất này được cố định trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày bên nhận nợ được H giải ngân tiền vay, 6 tháng tiếp theo lãi suất áp dụng là 7,8%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; Lãi suất chậm trả 9,8%/năm. Để đảm bảo cho khoản vay, bị đơn đã thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 304, tờ bản đồ số 08, địa chỉ Thôn C, Xã H, huyện Q, Tỉnh Quảng Bình (Nay là Xã N, Tỉnh Quảng Trị) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CN 511835, số vào sổ cấp GCN: CS 02921 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Q cấp ngày 27/12/2018. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7014/22MB/HĐBĐ ngày 18/03/2022 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng số: 7014/22/MB/HĐBĐ/PL01 (sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 7014/22MB/HĐBĐ) ngày 30/01/2024. hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng 7014.01/22MB/HĐBĐ/PL01 ngày 06/03/2024. Công chứng tại Văn phòng C1 và Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai quyền sử dụng đất số 7014.01/22MB/HĐBĐ ngày 18/03/2022. Đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 18/03/2022 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã giải ngân toàn bộ khoản vay cho bị đơn, nhưng bị đơn chỉ trả nợ lãi vay cho đến ngày 01/7/2024 và sau đó liên tiếp vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vay theo thời hạn đã cam kết. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả ngay số tiền nợ vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm đến ngày 09/9/2026 với tổng số tiền là 2.263.737.378 đồng (Hai tỷ hai trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn, ba trăm bảy mươi tám đồng), trong đó nợ gốc 1.600.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm triệu đồng), nợ lãi trong hạn 109.633.289 đồng (Một trăm linh chín triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn hai trăm tám mươi chín đồng), nợ lãi quá hạn 554.104.089 đồng (Năm trăm năm mươi tư triệu một trăm linh bốn nghìn không trăm tám mươi chín đồng).

Trong trường hợp bị đơn không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ, hoặc trả nợ không đầy đủ thì kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh được các bên thỏa thuận tại hợp đồng; đồng thời nguyên đơn có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền bán phát mãi tài đã thế chấp để thu hồi nợ vay.

* *Đối với bị đơn bà Ngô Thị DI và ông Mai Văn T:* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn; và bị đơn mặc dù đã nhận được văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đều vắng mặt không có lý do, không có bất cứ ý kiến phản hồi nào với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại UBND xã N là nơi cư trú của bị đơn để giải vụ án theo quy định chung.

* *Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và đo vẽ ngày 09/7/2026:*

Thửa đất số 304, tờ bản đồ số 08 (nay là thửa đất số 304, tờ bản đồ số 104, diện tích 631,1m² tại Thôn C, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình cũ (nay là xã N,

Tỉnh Quảng Trị) được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cử cấp GCNQSDĐ vào ngày 27/12.2018 cho ông Mai Văn T và bà Ngô Thị D1. Trên thửa đất có 01 nhà ở 01 tầng xây gạch tô trát hoàn chỉnh, hệ thống đèn điện chiếu sáng đầy đủ, nhà vệ sinh khép kín, có diện tích 110,6m², 01 nhà cấp 4 không sử dụng, có diện tích 83,1m²; 01 mái tôn diện tích 75,1 m² và hiện trạng sử dụng đất không có tranh chấp.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký tòa án đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Ngô Thị D1 và ông Mai Văn T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP P (H) tổng số tiền nợ gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 09/9/2026. Trường hợp bà Ngô Thị D1 và ông Mai Văn T không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP P (H) có quyền đề nghị xử lý toàn bộ tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp bất động sản đã ký để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì vụ án được xác định có mối quan hệ tranh chấp phát sinh trong hoạt động tín dụng giữa Ngân hàng với cá nhân, trong đó bị đơn có nơi cư trú tại Thôn C, xã N, tỉnh Quảng Trị. Vì vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị.

- Về sự có mặt của đương sự: Đối với bị đơn bà D1, ông T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp hợp đồng tín dụng thấy rằng: Căn cứ Hợp đồng tín dụng hạn mức số: Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 2896/24MB/HĐTD ngày 30/01/2024 và đề nghị giải ngân kiêm kê ước nhận nợ số: 2896/24MB/HĐTD/KUNN01 ngày 08/03/2024 được ký kết giữa các bên có đủ cơ sở xác định, nguyên đơn đã cho bị đơn vay tổng số tiền gốc là 2.050.000.000 đồng trong thời hạn vay 12 tháng từ ngày 09/3/2024 đến ngày

08/3/2025; trong đó các bên thỏa thuận lãi suất vay trong hạn là 7,8 %/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất chậm trả 7,8%/năm. Thời hạn trả nợ gốc và lãi vào ngày 25 háng tháng, ngày trả nợ đầu tiên vào ngày 25/3/2024

Xét thấy, hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên là tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, đúng quy định tại các Điều 116, 117, 385, 398, 463, 466, 468 Bộ Luật Dân sự; khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 , cho nên có hiệu lực pháp luật buộc các bên tham gia ký hết phải có nghĩa vụ thực hiện. Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã giải ngân toàn bộ tiền vay cho bị đơn, nhưng bị đơn chỉ trả được số tiền gốc 450.000.000 đồng số tiền lãi trong hạn là 38.904 đồng và số tiền lãi quá hạn 748.530, sau đó kể từ ngày 01/7/2024 đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi và đến ngày 09/3/2025 vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm tính đến ngày 09/9/2026 với tổng số tiền là 2.263.737.378 đồng (Hai tỷ hai trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn, ba trăm bảy mươi tám đồng), trong đó nợ gốc 1.600.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm triệu đồng), nợ lãi trong hạn 109.633.289 đồng (Một trăm linh chín triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn hai trăm tám mươi chín đồng), nợ lãi quá hạn 554.104.089 đồng (Năm trăm năm mươi tư triệu một trăm linh bốn nghìn không trăm tám mươi chín đồng).

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán được các bên cam kết tại hợp đồng, cho nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả ngay toàn bộ số tiền trên là có căn cứ; đồng thời buộc bị đơn còn phải tiếp tục chịu lãi trên số tiền phải thanh toán theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên được chấp nhận toàn bộ.

[2.2] Xét yêu cầu về việc xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ vay thấy rằng:

Nhằm đảm bảo nghĩa vụ thanh toán các khoản vay, bị đơn đã thế chấp cho nguyên đơn các tài sản thuộc sở hợp pháp của mình gồm: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 304, tờ bản đồ số 08, địa chỉ Thôn C, Xã H, huyện Q, Tỉnh Quảng Bình (Nay là Xã N, Tỉnh Quảng Trị) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CN 511835, số vào sổ cấp GCN: CS 02921 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Q cấp ngày 27/12/2018. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7014/22MB/HĐBĐ ngày 18/03/2022 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng số: 7014/22/MB/HĐBĐ/PL01 (sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 7014/22MB/HĐBĐ) ngày 30/01/2024. Công chứng tại Văn phòng C1 và Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai quyền sử dụng đất số 7014.01/22MB/HĐBĐ ngày 18/03/2022. Đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 18/03/2022 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Xét các hợp đồng thế chấp trên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về nội dung cũng như hình thức của pháp luật dân sự về giao dịch bảo đảm được quy định tại Điều 298 Bộ luật dân sự 2015; khoản 3 Điều 167 ; ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm và ngày 22/02/2012 về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 163, cho

nên có hiệu lực pháp luật và buộc các bên phải có nghĩa vụ thực hiện. Do đó, trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay thì bị đơn có yêu cầu đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay là đúng quy định tại khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo vẽ hết số tiền 4.500.000 đồng do nguyên đơn tạm nộp. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải trả lại toàn bộ số tiền này cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 157, 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 70; Điều 91; khoản 1 Điều 147; Điều 157, 158; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 298, 385, 398, 463, 466, 468, 470 Bộ Luật Dân sự; các Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 167, 168 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển thành phố H về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bà Ngô Thị D1 và ông Mai Văn T phải có nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển thành phố H theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 2896/24MB/HĐTD ngày 30/01/2024 và đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 2896/24MB/HĐTD/KUNN01 ngày 08/03/2024 tính đến ngày 09/9/2026 với tổng số tiền là 2.263.737.378 đồng (Hai tỷ hai trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn, ba trăm bảy mươi tám đồng), trong đó nợ gốc 1.600.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm triệu đồng), nợ lãi trong hạn 109.633.289 đồng (Một trăm linh chín triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn hai trăm tám mươi chín đồng), nợ lãi quá hạn 554.104.089 đồng (Năm trăm năm mươi tư triệu một trăm linh bốn nghìn không trăm tám mươi chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (09/9/2026) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 2896/24MB/HĐTD ngày 30/01/2024 và đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 2896/24MB/HĐTD/KUNN01 ngày 08/03/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có

thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp bà Ngô Thị D1 và ông Mai Văn T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển thành phố H có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại các tài sản thế chấp sau đây để thu hồi nợ vay là: toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 304, tờ bản đồ số 08, địa chỉ Thôn C, Xã H, huyện Q, Tỉnh Quảng Bình (Nay là Xã N, Tỉnh Quảng Trị) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CN 511835, số vào sổ cấp GCN: CS 02921 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Q cấp ngày 27/12/2018. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7014/22MB/HĐBĐ ngày 18/03/2022 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng số: 7014/22/MB/HĐBĐ/PL01 (sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 7014/22MB/HĐBĐ) ngày 30/01/2024. Công chứng tại Văn phòng C1 và Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai quyền sử dụng đất số 7014.01/22MB/HĐBĐ ngày 18/03/2022. Đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 18/03/2022 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Ngô Thị D1 và ông Mai Văn T phải trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển thành phố H số tiền 4.500.000 đồng đồng chi thẩm định, xem xét tại chỗ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Ngô Thị D1 và ông Mai Văn T phải chịu nộp số tiền 77.274.747 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

- Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển thành phố H số tiền 37.770.000 đồng đã nộp tại biên lai thụ tạm ứng án phí số 0002857, ngày 16/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 72 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 4 - Quảng Trị;
- THADS khu vực 4 - Quảng Trị;
- Phòng THADS khu vực 4 – Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ; VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Châu Mạnh Cường